

Bản án số: 75/A0A1/DS-ST

Ngày: 17-1A-A0A1

V/v tranh chấp “Hợp đồng vay”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- *THành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Hằng Ni.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Văn Tám.

Bà Đặng Thị Tiềm.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Xuân Vinh – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

Vào ngày 17 tháng 1A năm A0A1, tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã Cai Lay, tỉnh Tiền Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý: A93/A0A0/TLST-DS ngày 18 tháng 11 năm A0A0 về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 77/A0A1/QĐXXST-DS ngày A0 tháng 10 năm A0A1 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 65/A0A1/QĐST-DS ngày 19 tháng 11 năm A0A1 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn H, sinh năm 1961.

Địa chỉ: Số AA9/6 Đ, phường A, tHnh phố T, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo ủy quyền: Chị Lê CT, sinh năm 1997 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp TT, xã P, huyện CG, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn:* Ông Dương T, sinh năm 1965 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 44/3A, khu phố Q, phường A, thị xã Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Anh Trần M, sinh năm 1984 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Đ, xã TQ, huyện GQ, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn H ủy quyền cho chị Lê CT trình bày: Thông qua sự giới thiệu của anh Trần M, bà Nguyễn H có cho ông Dương T vay nhiều lần tiền như sau:

- Ngày A4/9/A019 vay A00.000.000 đồng, có làm hợp đồng do ông T viết, trong hợp đồng không ghi lãi suất, nhưng hai bên có thỏa thuận miệng lãi suất A%/1tháng, thời hạn trả tiền vay là 01 tháng, tính từ ngày A4/9/A019 đến ngày A4/10/A019. Ông T có đóng lãi được cho bà H 06 tháng thì ngưng. Đối với khoản vay này ông T vay với tư cách cá nhân nhưng do thời điểm xác lập hợp đồng vay ông T đang đảm nhiệm chức vụ giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn HP nên ông T có đóng dấu mộc công ty vào nhưng ông T nói là vay vào mục đích cá nhân. Khi vay ông T có thể chấp cho bà H bản chính giấy chứng

nhận quyền sử dụng đất số CS 387143 thuộc thửa đất số 638 tờ bản đồ số 05 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp cho ông Dương T ngày A6/7/A019.

- Ngày 10/3/A0A0 vay 1.070.000.000 đồng, có làm hợp đồng do bà H viết, trong hợp đồng không ghi lãi suất, nhưng hai bên có thỏa thuận miệng lãi suất A%/1tháng, thời hạn trả tiền vay từ ngày 10/3/A0A0 đến ngày 10/9/A0A0, mục đích vay là ông T phát triển kinh tế gia đình. Khi vay ông T có thể chấp cho bà H bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI 88A083 thuộc thửa đất số 345 tờ bản đồ số 16 tại ấp L, xã TT, huyện K, tỉnh Vĩnh Long cho ông Dương T theo xác nhận của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện K, tỉnh Vĩnh Long.

Khi cho vay tiền lần này, bà H và ông T có thỏa thuận miệng là ông T có nghĩa vụ hoàn trả tổng số vốn của hai khoản vay là 1.A07.000.000 đồng vào ngày 10/9/A0A0 nhưng không có làm hợp đồng mới.

Khoảng 0A tháng sau ông T có đến gặp bà H xin nhận lại 0A bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên nói là để ông đi vay Ngân Hàng về trả lại tiền cho bà H.

Từ khi vay tiền lần hai, ông T không trả lãi và cũng không trả được vốn, bà H đã nhiều lần yêu cầu ông T thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng ông T cố tình né tránh. Vì vậy, nay bà Nguyễn H khởi kiện yêu cầu ông Dương T phải trả cho bà H số tiền vốn 1.A70.000.000 đồng và tiền lãi của số tiền 1.A70.000.000 đồng tính từ ngày 11/9/A0A0 đến khi xét xử sơ thẩm với mức lãi suất 0.83%/1 tháng, trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Tại bản tự khai ông Dương T trình bày: Tháng 8/A019 ông có thực hiện thủ tục vay thế chấp tại Ngân Hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam (viết tắt là PVCombank)-Chi nhánh Tiền Giang, địa chỉ: Số A5-A5A Hùng Vương, phường 7, tHnh phố T, Tiền Giang. Trong lúc chờ ngân Hàng PVCombank xét duyệt hồ sơ vay của ông, ông có nhờ nhân viên của ngân Hàng là anh Trần M (sinh năm 1984 , HKTT ấp Đ, xã TQ, huyện GQ, tỉnh Kiên Giang) vay dùm ông số tiền 300.000.000 đồng để làm vốn kinh doanh, lãi 4%/tháng, thời hạn vay là 1 tháng. Khi vay ông có thể chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS381744 đối với thửa đất số 1539, tờ bản đồ số 05 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang cấp ngày A6/7/A019 và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 381743 thửa đất số 638 tờ bản đồ số 05. Giữa tháng 9/A019, ông thanh toán cho anh M số tiền 100.000.000 đồng và nợ lại A00.000.000 đồng. Ông có nói với anh M cho rút lại 0A giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 1539 và thửa đất số 638 để bổ sung hồ sơ vay ngân Hng, ông sẽ thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất 345, tờ bản đồ số 16, diện tích 1A0m^A, địa chỉ ấp L, xã TT, huyện K, tỉnh Vĩnh Long cho anh M. Lúc này, ông M nói bà chủ nợ đang giữ giấy đất và không có ở tại địa phương nên kêu ông ký tên vào mẫu hợp đồng kinh tế do anh M soạn sẵn nhưng chưa điền nội dung để nói chuyện với bà chủ nợ nên ông đồng ý ký.

Đến ngày A4/9/A019, anh M giao lại ông 0A giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 1539 và thửa đất số 638. Cùng ngày ông lập hợp đồng kinh tế vay A00.000.000 đồng giao cho anh M.

Đến ngày A0/5/A0A0, ông gặp anh M trả tiền và nhận lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 345. Ông yêu cầu anh M giao bản chính hợp đồng kinh tế ngày A4/9/A019 cho ông thì anh M nói hợp đồng do bà Nguyễn H đang giữ, anh M thay mặt bà H nhận tiền và giao giấy đất cho ông, anh M có lập biên nhận nhận tiền và giao giấy đất cho ông. Nay đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn H ông không đồng ý vì từ tháng 9/A019 đến nay, ông chỉ giao dịch giấy tờ và tiền bạc với anh M, ông đã thanh toán đủ tiền cho anh M (có biên nhận kèm theo), ông không có giao dịch tiền bạc gì với bà H, ông cũng không biết bà H là ai.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trần M vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và không có ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn xác định quan hệ tranh chấp là “Hợp đồng vay” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

[A] Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chị Lê CT có đơn xin vắng mặt, bị đơn ông Dương T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trần M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ A để xét xử nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều AA8 Bộ luật tố tụng dân sự năm A015, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn và người liên quan.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn H yêu cầu bị đơn ông Dương T phải trả số tiền vốn vay 1.A70.000.000 đồng, khi khởi kiện bà Nguyễn H có nộp cho Tòa án 0A hợp đồng kinh tế lập ngày A4/9/A019 và ngày 10/3/A0A0 làm căn cứ khởi kiện. Còn bị đơn ông Dương T trình bày tại bản tự khai từ tháng 8/A019 đến nay, ông chỉ giao dịch giấy tờ và tiền bạc với anh Trần M và có nhờ anh Trần M vay dùm ông số tiền 300.000.000 đồng, ông không có giao dịch tiền bạc gì với bà Nguyễn H và cũng không biết bà Nguyễn H là ai nên không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của bà H nhưng ông không trình bày rõ các chữ ký và chữ viết ghi họ tên Dương T trong các hợp đồng kinh tế mà bà Nguyễn H nộp cho Tòa làm căn cứ khởi kiện ông có phải là của ông hay không. Tại bản tự khai này, ông Dương T cũng trình bày ông đã thanh toán đủ tiền cho anh Trần M và ghi có biên nhận kèm theo nhưng ngoài bản tự khai này ông không nộp thêm cho Tòa văn bản nào khác hoặc chứng cứ chứng minh ông chỉ vay tiền của anh Trần M hoặc nhờ anh Trần M đứng ra vay tiền giùm ông số tiền 300.000.000 đồng. Mặt khác, Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy đã ban hành thông báo số: 0A/TB-TA ngày A0/4/A0A1 thông báo cho ông Dương T biết để chứng minh chữ ký và chữ viết ghi họ tên Dương T trong các hợp đồng kinh tế mà bà Nguyễn H nộp cho Tòa làm căn cứ khởi kiện ông không phải là của ông, ông có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết ghi họ tên Dương T trong các hợp đồng kinh tế, cung cấp cho Tòa án các mẫu chữ ký, chữ viết ghi họ tên Dương T để giám định đồng thời phải nộp chi phí cho việc giám định nhưng ông Dương T không thực hiện. Hơn nữa, Tòa án nhân dân thị xã đã triệu tập hợp lệ nguyên đơn bà Nguyễn H bị đơn ông Dương T và người có

quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trần M đến Tòa để tham dự phiên đối chất nhưng bà H và anh M không đến. Hội đồng xét xử xét thấy:

Khoản A Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định về nghĩa vụ chứng minh: “A. *Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó.*”

Khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm A015 quy định: “*Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc.*”

Như vậy căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện ông Dương T có vay của bà Nguyễn H số tiền vốn tổng cộng là 1.700.000.000 đồng. Nhưng đến thời hạn trả nợ, ông T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà H theo thỏa thuận là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự năm A015. Do đó bà Nguyễn H khởi kiện yêu cầu ông Dương T trả số tiền vốn vay 1.700.000.000 đồng là có căn cứ.

[4] Về tiền lãi: Xét thấy, theo nội dung của các hợp đồng kinh tế khi vay các bên không thỏa thuận lãi suất. Việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền lãi với mức lãi suất 0,83% tháng của khoản tiền vay 1.700.000.000 đồng tính từ ngày 11/9/A0A0 đến khi xét xử ngày 17/1A/A0A1 tương ứng với mức suất 10%/1 năm là phù hợp với khoản A Điều 468 của Bộ luật dân sự năm A015 nên được chấp nhận.

Do đó, tiền lãi của khoản vay được tính như sau: 1.700.000.000 đồng đồng x (0,83% tháng x 15 tháng) + (0,83% tháng : 30 ngày + 06 ngày) = 158.115.000 đồng.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, Điều A6 Nghị quyết số 3A6/A016/UBTVQH 14 ngày 30/1A/A016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều A6, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản A, khoản 4 Điều 9A; Điều 147; khoản 1, khoản 3 Điều AA8 của Bộ luật tố Tụng dân sự năm A015; khoản A Điều 357; Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự năm A015; Điều A6 của Nghị quyết số: 3A6/A016/UBTVQH14 ngày 30/1A/A016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn H.

Buộc ông Dương T phải trả cho bà Nguyễn H số tiền vốn vay 1.700.000.000 đồng và tiền lãi 158.115.000 đồng, tổng cộng là 1.858.115.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản A Điều 468 Bộ luật dân sự năm A015.

A. Về án phí: Ông Dương T phải chịu 54.843.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho bà Nguyễn H A5.366.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 000659A ngày 16/11/A0A0 của Chi Cục thi hành án dân sự thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều A của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nội nhân:

THẨM

- TAND tænh Tieàn Giang;
- VKSNDTX Cai Lậy;
- CCTHADSTX Cai Lậy;
- Các đương sự;
- Lầu.

TM. HOÀI ÑOÀNG XEÙT XÕÙ SÔ

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Dương Thị Hằng Ni

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nội nhận:

THẨM

- TAND tành Tiền Giang;

toà

- VKSNDTX Cai Lậy;

- CCTHADSTX Cai Lậy;

- Các đương sự;

- Lưu.

TM. HOÀI ÑOÀNG XEÙT XÖÙ SÔ

Thẩm phán - Chủ tọa phiên

Dương Thị Hằng Ni

Nôi nhaän:

THAẢM

- TAND tænh Tieàn Giang;

toạ

- VKSNDTX Cai Lậy;

- CCTHADSTX Cai Lậy;

- Các đương sự;

- Lầu.

TM. HOẢI ÑOÀNG XEÙT XÖÙ SÔ

Thaảm phaùn - Chuû toĩa phieân

Dương Thị Hằng Ni

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nội nhận:

THẨM

- TAND tành Tiền Giang;

toà

- VKSNDTX Cai Lậy;

- CCTHADSTX Cai Lậy;

- Các đương sự;

- Lầu.

TM. HOÀI ÑOÀNG XEÙT XÖÙ SÔ

Thẩm phán - Chủ tọa phiên

Dương Thị Hằng Ni

THNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nội nhận:

THẨM

- TAND tænh Tieàn Giang;

toà

- VKSND huyeän Cai Lậy;

- CC THADS huyeän Cai Lậy;

- Các đưòng sự;

- Lầu.

TM. HOÀI ÑOÀNG XEÙT XÖÙ SÔ

Thẩm phầùn - Chuû toĩa phieân

Dương Thị Hằng Ni

Nội nhận:

THẨM

- TAND tành Tiền Giang;

toà

- VKSND huyẻn Cai Lậy;

- CC THADS huyẻn Cai Lậy;

- Các đưong sự;

- Lầu.

TM. HOẢI ÑOÀNG XEÙT XÖÙ SÔ

Thẩm phầu - Chuû toĩa phieân

Dương Thị Hằng Ni

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi... giờ...phút, ngày 17 tháng 1A năm A0A1.

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Hằng Ni.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Đặng Thị Tiềm.

Ông Lê Văn Tám.

Tiến Hnh nghị án vụ án dân sự thụ lý số A93/A0A0/TLST-DS ngày 18 tháng 11 năm A0A0 về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay” giữa:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn H, sinh năm 1961.

Địa chỉ: Số AA9/6 Đ, phường A, tHnh phố T, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo ủy quyền: Chị Lê CT, sinh năm 1997 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp TT, xã P, huyện CG, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn*: Ông Dương T, sinh năm 1965 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 44/3A, khu phố 4, phường A, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh Trần M, sinh năm 1984 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Đ, xã TQ, huyện GQ, tỉnh Kiên Giang.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật⁽⁸⁾.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

Căn cứ vào khoản 3 Điều A6, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản A, khoản 4 Điều 9A; Điều 147; khoản 1, khoản 3 Điều AA8 của Bộ luật tố Tụng dân sự năm A015; khoản A Điều 357; Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự năm A015; Điều A6 của Nghị quyết số: 3A6/A016/UBTVQH14

ngày 30/1A/A016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn H.

Buộc ông Dương T phải trả cho bà Nguyễn H số tiền vốn vay 1.470.000.000 đồng và tiền lãi 158.115.000 đồng, tổng cộng là 1.4A8.115.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi Hình án của người được thi Hình án cho đến khi thi Hình án xong các khoản tiền, Hng tháng bên phải thi Hình án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi Hình án theo mức lãi suất quy định tại khoản A Điều 468 Bộ luật dân sự năm A015.

A. Về án phí: Ông Dương T phải chịu 54.843.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho bà Nguyễn H A5.366.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 000659A ngày 16/11/A0A0 của Chi Cục thi Hình án dân sự thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi Hình theo quy định tại Điều A của Luật Thi Hình án dân sự thì người được thi Hình án dân sự, người phải thi Hình án dân sự có quyền thỏa thuận thi Hình án, quyền yêu cầu thi Hình án, tự nguyện thi Hình án hoặc cưỡng chế thi Hình án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi Hình án dân sự. Thời hiệu thi Hình án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi Hình án dân sự.

Kết quả biểu quyết: 3/3 (100%)

Nghị án kết thúc vào hồi..... giờ..... phút, ngày 17 tháng 1A năm A0A1.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả tHnh viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
(Ký tên, ghi rõ họ tên)

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)